TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DS-PT
Ngày 28 - 6 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Huy Lưỡng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tử Lượng

Bà Phạm Thị Tuyết

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình*:** Bà Đinh Thị Nga, kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2019 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 25/02/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố N2, tỉnh Ninh Bình bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐPT ngày 31 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Nguyễn Quang D, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

1.2 Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1969; Nơi ĐKHKTT: Thôn T1, xã N1, Thành phố N2, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ cư trú: Thôn T1, xã N1, Thành phố N2, tỉnh Ninh Bình.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (là các con đẻ của ông Nguyễn Đình Q):

3.1 Anh Nguyễn Đình Quang L, sinh năm 1998; địa chỉ cư trú: Thôn T1, xã N1, Thành phố N2, tỉnh Ninh Bình.

3.2 Chị Nguyễn Thị N3, sinh năm 2003; địa chỉ cư trú: Thôn T1, xã N1, Thành phố N2, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật của chị Nguyễn Thị N3: Ông Nguyễn Đình Q sinh năm 1969 (bố đẻ); địa chỉ cư trú: Thôn T1, xã N1, Thành phố N2, tỉnh Ninh Bình.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa, có mặt: Ông D, bà C, ông Q; vắng mặt anh L, chị N3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/8/2018, các bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Quang D, bà Nguyễn Thị C trình bày:

Ngày 27/7/2017, vợ chồng ông Nguyễn Đình Q, bà Nguyễn Thị H1 (Bà Nguyễn Thị H1 là em gái của bà Nguyễn Thị C) đến gia đình ông Nguyễn Quang D, bà Nguyễn Thị C vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,05%/tháng, thời hạn vay 12 tháng. Hai bên có viết Giấy biên nhận xác nhận nội dung thỏa thuận. Sau khi vay một thời gian, ngày 25/9/2017, bà Nguyễn Thị H1 chết. Hết thời hạn vay 12 tháng, vợ chồng ông Nguyễn Quang D, bà Nguyễn Thị C đã nhiều lần yêu cầu ông Q trả số tiền vay trên nhưng ông Q không trả. Từ khi vay số tiền trên đến nay, vợ chồng ông Q, bà H1 chưa trả một khoản tiền lãi, tiền gốc nào cho ông D, bà C. Vì vậy, ông Nguyễn Quang D, bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đình Q trả cho ông D, bà C số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 04/10/2018, ông Nguyễn Quang D yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đình Q và anh Nguyễn Đình Quang L (con trai ông Q) có trách nhiệm trả nợ cho ông D, bà C 100.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 30/10/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Quang D và bà Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông Q trả nợ số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 7/2017 đến nay với mức lãi suất là 1.05% /tháng.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Đình Q trình bày:

Vợ chồng ông Q, bà H1 có vay ông Nguyễn Quang D, bà Nguyễn Thị C số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,05%/tháng với thời hạn vay 12 tháng như lời khai của ông D, bà C là đúng. Từ khi vay đến nay, vợ chồng ông Q, bà H1 chưa trả cho ông D, bà C khoản tiền lãi và tiền gốc nào. Ngày 25/9/2017, bà Nguyễn Thị H1 chết. Sau khi hết hạn hợp đồng vay, ông D, bà C đã nhiều lần yêu cầu ông Q trả nợ nhưng ông Q chưa có điều kiện trả được số tiền trên. Hiện nay gia đình ông Q

đang hết sức khó khăn nên đề nghị gia đình ông D bà C tạo điều kiện cho gia đình ông Q được trả dần số tiền nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 25/02/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố N2, tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang D, bà Nguyễn Thị C; buộc ông Nguyễn Đình Q, anh Nguyễn Đình Quang L, chị Nguyễn Thị N3 có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông Nguyễn Quang D, bà Nguyễn Thị C số tiền 118.336.000 đồng (trong đó 100.000.000 đồng tiền nợ gốc, 12.600.000 đồng tiền lãi trong hạn và 5.736.000 đồng lãi chậm trả).

- Về án phí: Ông Nguyễn Đình Q, anh Nguyễn Đình Quang L, chị Nguyễn Thị N3 nộp án phí dân sự 5.916.800 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và điều kiện thi hành án cho các đương sự.

Ngày 19/3/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DSST ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố N2, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc ông Q là người trực tiếp phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc, lãi đã vay của ông D bà C; tính lại lãi suất và xác định lại nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 30/5/2019, ông Nguyễn Quang D và bà Nguyễn Thị C nộp cho Tòa án cấp phúc thẩm bản tường trình với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Q phải chịu trách nhiệm trả cho ông D, bà C khoản tiền gốc và lãi mà vợ chồng ông Q, bà H1 đã vay ngày 27/7/2017 theo quy định của pháp luật. Ông D, bà C không đòi nợ các con ông Q.

Ngày 31/5/2019, ông Nguyễn Đình Q có đơn đề nghị gửi Tòa án cấp phúc thẩm xác định: Ngày 27/7/2017, vợ chồng ông Nguyễn Đình Q, bà Nguyễn Thị H1 có vay của ông Nguyễn Quang D, bà Nguyễn Thị C số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,05%/tháng, thời hạn vay 12 tháng. Nay bà H1 chết, ông Q sẽ chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ chung mà vợ chồng ông Q, bà H1 đã vay ông D, bà C. Các con ông Q không tham gia việc vay nợ nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không buộc các con ông Q phải chịu trách nhiệm trả nợ cùng ông Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn thống nhất số nợ gốc là 100.000.000 đồng; thời hạn vay là 12 tháng; mức lãi suất là 1.05%; thời điểm vay 27/7/2017; đến thời điểm xét xử sơ thẩm bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền gốc và lãi. Nguyên đơn, bị đơn thống nhất xác định nghĩa vụ trả nợ khoản nợ trên là trách nhiệm của ông Nguyễn Đình Q. Bởi vì, bà Nguyễn Thị H1 đã chết.

Ông Q hiện đang quản lý tài sản chung của vợ chồng ông Q, bà H1. Các con đẻ của ông Q, bà H1 không phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình giữ nguyên nội dung Quyết định kháng nghị và phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DSST ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố N2, tỉnh Ninh Bình theo nội dung Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 19/3/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 19/3/2019, Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DSST ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố N2, tỉnh Ninh Bình nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại văn bản với tiêu đề "Giấy biên nhận" ghi ngày ngày 27/7/2017 thể hiện nội dung vợ chồng ông Nguyễn Đình Q, bà Nguyễn Thị H1 có vay của vợ chồng ông Nguyễn Quang D, bà Nguyễn Thị C số tiền 100.000.000 đồng với thời hạn vay là 12 tháng hoàn trả gốc và lãi. Cuối văn bản có chữ ký của bên cho vay là vợ chồng ông Nguyễn Quang D, bà Nguyễn Thị C và bên vay là vợ chồng ông Nguyễn Đình Q, bà Nguyễn Thị H1. Lời khai của ông Nguyễn Quang D, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Đình Q đã xác nhận nội dung trên khẳng định mức lãi suất thỏa thuận khi vay là 1.05%/tháng. Từ khi vay đến nay, vợ chồng ông Nguyễn Đình Q, bà Nguyễn Thị H1 chưa trả cho vợ chồng ông Nguyễn Quang D, bà Nguyễn Thị C tiền gốc cũng như tiền lãi. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Như vậy, ngày 27/7/2017 vợ chồng ông Nguyễn Đình Q, bà Nguyễn Thị H1 có vay của vợ chồng ông Nguyễn Quang D, bà Nguyễn Thị C số tiền 100.000.000 đồng với thời hạn vay là 12 tháng với mức lãi suất là 1,05%/ tháng (12,6% năm). Đây là hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng có lãi, lãi suất phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015. Mức lãi suất không vượt quá mức lãi suất giới hạn của Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Vì vậy, hợp đồng vay tài sản này là hợp pháp có hiệu lực pháp luật.

[3] Nghĩa vụ trả nợ trong giao dịch dân sự được xác lập ngày 27/7/2017 giữa vợ chồng ông Nguyễn Quang D, bà Nguyễn Thị C và vợ chồng ông Nguyễn Đình Q, bà Nguyễn Thị H1 là nghĩa vụ chung của vợ chồng ông Nguyễn Đình Q, bà Nguyễn Thị H1 là bên vay tài sản. Ngày 25/9/2017 bà H1 chết không để lại di chúc nên ông Q là người quản lý tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Hôn nhân và Gia đình và chịu trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng theo quy định khoản 2 Điều 27 và khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình. Để xác định nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn C phải thu thập đầy đủ các tài liệu chứng cứ để xác định chế độ tài sản của vợ chồng ông Nguyễn Đình Q, bà Nguyễn Thị H1 theo quy định tại Điều 28 Luật Hôn nhân và Gia đình. Từ đó, xác định tài sản chung, tài sản riêng và nghĩa vụ về tài sản của ông Q, bà H1. Sau đó, căn cứ vào Điều 615 Bộ luật Dân sự để xác định việc thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện hết trách nhiệm thu thập các tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự, dẫn đến việc xác định trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa đủ căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất xác định nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng ông Q, bà H1 đã vay ông D, bà C ngày 27/7/2017, ông Q chịu trách nhiệm trả toàn bộ. Bởi vì, bà Nguyễn Thị H1 đã chết. Ông Q hiện đang quản lý tài sản chung của vợ chồng ông Q, bà H1. Các con đẻ của ông Q, bà H1 không phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ như bản án sơ thẩm đã tuyên. Sự thống nhất của nguyên đơn, bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội nên căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự cần chấp nhận sự tự định đoạt của các đương sự về nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với bên cho vay.

[4] Về nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình:

Tại Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 19/3/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DSST ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố N2 phân tích, nhận định bản án sơ thẩm quyết định buộc ông Q, anh L, chị N3 có trách nhiệm liên đới trả nợ, việc tính lãi suất và nghĩa vụ chịu án phí là không đúng quy định của pháp luật là có căn cứ. Nhưng phần quyết định của Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 19/3/2019 lại đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc ông Q là người trực tiếp phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc, lãi đã vay của ông D bà C khi chưa đủ các tài liệu, chứng cứ để xác định nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng ông Q, bà H1 đã vay ông D, bà C ngày 27/7/2017 là không chính xác. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã thống nhất xác định nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng ông Q, bà H1 đã vay ông D, bà C ngày 27/7/2017, ông Q chịu trách nhiệm trả toàn bộ là phù hợp với đề

nghị của Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 19/3/2019 nên cần chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc sửa bản án sơ thẩm số 02/2019/DSST ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố N2.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Q phải chịu trách nhiệm trả cho ông D, bà C khoản tiền gốc và lãi mà vợ chồng ông Q, bà H1 đã vay ngày 27/7/2017 theo quy định của pháp luật. Vì vậy, cần áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự 2015 về hợp đồng vay tài sản và Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 để xác định nghĩa vụ trả nợ của ông Q như sau: Số tiền gốc chưa trả là 100.000.000 đồng; tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận = 100.000.000 đồng x 1,05%/ tháng x 12 tháng = 12.600.000 đồng; đến thời điểm xét xử sơ thẩm (25/2/2019) ông Q chưa trả lãi nên phải chịu khoản tiền lãi trên nợ lãi chưa trả = 12.600.000 đồng x 10%/ năm x 6 tháng 27 ngày (207 ngày) = 714.575 đồng; tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = 100.000.000 đồng x 12,6%/năm x 150% x 6 tháng 27 ngày (207 ngày) = 10.718.630 đồng. Tổng cộng các khoản ông Q phải trả cho vợ chồng ông D, bà C là 124.033.205 đồng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm=124.033.205 đồng x 5% = 6.201.660 đồng.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DSST ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố N2, tỉnh Ninh Bình.

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 615 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 66, khoản 2 Điều 27 và khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

1.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang D và bà Nguyễn Thị C. Buộc ông Nguyễn Đình Q phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Quang D, bà Nguyễn Thị C các khoản tiền: Số tiền gốc chưa trả là 100.000.000 đồng; tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận là 12.600.000 đồng; tiền lãi trên nợ lãi chưa trả là 714.575 đồng; tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 10.718.630 đồng. Tổng cộng số tiền là 124.033.205 (Một trăm hai mươi tư triệu không trăm ba mươi ba nghìn hai trăm linh năm) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 150% mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hạn là 1,05%/ tháng là 18,9%/ năm (mười tám phẩy chín phần trăm trên một năm).

1.2 Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đình Q phải nộp là 6.201.660 đồng (Sáu triệu hai trăm linh một nghìn sáu trăm sáu mươi đồng);

Trả lại cho ông Nguyễn Quang D, bà Nguyễn Thị C số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 đồng theo Biên lai số AA/2016/0000908 ngày 11/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố N2, tỉnh Ninh Bình.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải nộp.

3. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (28/6/2019).

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội (1);
- VKSND tỉnh Ninh Bình (2);
- Phòng KTNV-THA (1)
- Chi cục THA Thành phố N2 (1);
- TAND Thành phố N2 (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu VP, tòa DS (2)

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Huy Lưỡng